

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 12/12/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 44

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước, chúng tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ chín. Trước khi giảng kinh văn phẩm thứ mười, chúng tôi xin quy nạp chỉnh lý một chút những điểm quan trọng trong kinh văn phẩm thứ chín. Lần chỉnh lý trọng điểm này có chút đặc biệt, sẽ dùng hình thức kệ tụng.

“Pháp Tạng tỳ-kheo lục độ vạn hạnh
Tích công lũy đức vô lượng vô biên
Vớ tất cả pháp, được đại tự tại
Bốn mươi tám nguyện đều thành hiện thực
Nhân viên quả mãn, như thật an trụ
Cõi Phật trọn đủ thanh tịnh, trang nghiêm
Tích công lũy đức mỗi ngày phải làm
Công đức lợi ích vô cùng nhanh chóng
Pháp thân Di-đà trùm khắp mọi nơi
Đến không chỗ đến, đi không chỗ đi
Thời gian không gian thầy đều siêu vượt
Bất sanh bất diệt, thường trụ Tịch Quang
Thế Tôn tán thán Pháp Tạng tỳ-kheo
Vô lượng thắng nhân, cảm được thánh quả
Pháp Tạng tỳ-kheo là tấm gương tốt
Người học Phật nên noi theo gương đó”.

GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP

Kinh văn của phẩm thứ chín phía trước nói A-di-đà Phật tu nhân chứng quả, kinh văn phẩm thứ mười là nói chúng sanh nghe Thích-ca Mâu-ni Phật giảng

pháp, chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì đều có thể thành Phật. Phẩm kinh văn này giúp cho chúng ta kiên định tín tâm thành Phật. Tuy kinh văn phẩm này rất ngắn nhưng hàm nghĩa của nó rất sâu, chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu trong một đời này thì chỉ có pháp môn niệm Phật vãng sanh, nếu tu học pháp môn khác mà muốn thành tựu trong một đời thì tương đối khó.

Mời xem kinh văn bên dưới:

Phật thuyết A-di-đà Phật, vi Bồ-tát cầu đắc thị nguyện thời, A-xà vương tử dữ ngũ bá đại trưởng giả, văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đáo Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thướng Phật dĩ, khước tọa nhất diện thính kinh, tâm trung nguyện ngôn, linh ngã đặng tác Phật thời, giai như A-di-đà Phật.

Khi Phật nói A-di-đà Phật lúc là Bồ-tát thành tựu thệ nguyện xong, vương tử A-xà cùng năm trăm đại trưởng giả nghe rồi đều rất hoan hỷ. Mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng đều đến trước Phật làm lễ, dâng lọng hoa lên Phật rồi ngồi đối diện nghe kinh, trong tâm phát nguyện rằng, khi chúng tôi thành Phật đều giống như A-di-đà Phật.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, khi Phật nói xong việc A-di-đà Phật thành tựu thệ nguyện rộng lớn như biển đã phát khi còn là Bồ-tát ở nhân địa, trong pháp hội có một vị vương tử và 500 đại trưởng giả, tên của vương tử là A-xà, ông cùng với 500 vị đại trưởng giả tuổi cao đức trọng, uy vọng rất cao, sau khi nghe Phật thuyết pháp đều khởi lên tâm hoan hỷ trước nay chưa từng có, mỗi vị cầm một lọng hoa bằng vàng, đến trước Phật lễ bái cúng dường. 501 người này đều là cư sĩ tại gia, họ hành động như nhau, lại mang phẩm vật cúng dường như nhau, có thể thấy là họ cùng nhau đến. Sau khi họ cúng dường lọng hoa xong, đều trở vào trong đại chúng, ngồi yên một bên nghe kinh, khi đó trong tâm mỗi một người phát nguyện, nguyện khi chúng tôi thành Phật, tất cả đều giống như A-di-đà Phật. Từ “chúng tôi” trong kinh văn đủ thấy đây là nguyện chung của họ.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Phật tức tri chi, cáo chư tỳ-kheo, thị vương tử đặng, hậu đương tác Phật, bỉ ư tiền thế trụ Bồ-tát đạo, vô số kiếp lai cúng dường tứ bá ức Phật. Ca-

diếp Phật thời, bĩ đặng vi ngã đệ tử, kim cúng dường ngã, phục tương trị dã. Thời chư tỳ-kheo văn Phật ngôn giả, mặc bất đại chi hoan hỷ.

Phật liền biết được, nói với các tỳ-kheo, nhóm của vương tử này về sau sẽ thành Phật. Các ông ấy trong đời quá khứ trụ Bồ-tát đạo, vô số kiếp đến nay từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Thời Phật Ca-diếp, các ông ấy là đệ tử của ta, nay cúng dường ta, lại gặp được nhau. Bây giờ các tỳ-kheo nghe lời Phật nói thấy đều hoan hỷ thay cho họ.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Nhóm A-xà vương tử phát ra đại nguyện, Thế Tôn lập tức biết ngay. Cho nên khởi tâm động niệm của chúng ta, Như Lai thấy đều thấy biết, tâm của chúng ta và tâm Phật không có mảy may ngăn cách. Khi đó Phật nói với 12.000 đại tỳ-kheo trong hội, nhóm của vương tử này về sau đều sẽ thành Phật, điều này cũng tương đương với việc Phật trong đại hội thọ ký cho 501 người làm Phật.

Phật còn nói với mọi người: các ông ấy đời trước đều nhất mực tu hành đại hạnh của Bồ-tát, an trụ nơi Bồ-tát đạo, trải qua vô số đại kiếp, đã từng cúng dường 400 ức Phật, rộng trồng công đức. Hôm nay lại phát nguyện, phát đại nguyện thù thắng giống như A-di-đà Phật, thế nên đều nhất định thành Phật.

Sau cùng, Phật lại nêu ra túc duyên với những người này. Vào thời Phật Ca-diếp trụ thế, họ là đệ tử của ta, ngày nay cúng dường ta tại pháp hội này, đây là tương phùng lần nữa. Khi ấy 12.000 đại tỳ-kheo trong pháp hội nghe lời Phật nói, không ai mà không mừng thay cho hơn 500 người nhóm A-xà vương tử.

Phẩm kinh văn này có ba điều đáng để chúng ta xem trọng:

Thứ nhất là phát nguyện. Nhóm A-xà vương tử vừa phát nguyện: nguyện chúng tôi đều như A-di-đà Phật, thì lập tức được thọ ký, tương lai nhất định thành Phật.

Thứ hai là nhân duyên. Trong đời quá khứ vào thời Phật Ca-diếp, họ là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, hiện tại lại gặp nhau trong pháp hội này, lại còn cúng dường, lại còn nghe kinh, lại kết thêm một duyên nữa. Bởi vì pháp duyên rất quan trọng, Phật cũng không thể độ người vô duyên. Năm xưa khi Phật ở thành Vương-xá, có một phân ba người chẳng những chưa từng nhìn thấy mặt Phật mà căn bản là

chưa từng nghe đến tên. Phật có uy đức như vậy mà còn có một phần ba người, ngay cả tên của Phật đều không biết, chính là bởi vì họ không có duyên.

Thứ ba là pháp này rất phù hợp cho hàng cư sĩ. Trong phẩm Đức Tuân Phổ Hiền, sau các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, chính là 16 vị Chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ, đều là Bồ-tát tại gia. Trong phẩm kinh này nghe Phật thuyết pháp xong, trước tiên hoan hỷ phấn chấn đến cúng dường, đến phát đại nguyện, lại nhóm A-xà vương tử, hơn 500 vị tại gia, điều này cho thấy pháp môn Tịnh độ vô cùng phù hợp với người tại gia, người tại gia càng cần pháp môn này. Bởi vì người tại gia có việc làm, có gia đình, có gánh nặng, có rất nhiều việc, nếu nương vào các pháp như Thiền định v.v... thì không hành nổi. Thế nên bộ kinh này vô cùng khế hợp với người tại gia.

Kinh Đại thừa nói với chúng ta, người niệm Phật vãng sanh Tịnh độ không phải người phàm, trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai. Lần này chúng ta gặp được pháp môn này, bạn vì sao có thể sanh khởi tín tâm, vì sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc đi làm Phật, là do uy thần của vô lượng chư Phật gia trì, nên mới phát ra được tâm ấy. Nếu không có các công đức tu hành trong đời quá khứ, [không nhờ] nhân chân thật này thì bạn không thể phát được tâm này. Nguyên nhân gì không thể phát tâm? Số lượng chư Phật Như Lai mà chúng ta cúng dường vẫn chưa đủ, làm thế nào đây? Hiện nay bổ sung, bổ sung thế nào? Niệm Phật chính là bổ sung.

Học Phật, điều kiện để phàm phu khế nhập cảnh giới là có thầy, người thầy rất quan trọng, không có thầy thì chúng ta sẽ đi rất nhiều đường vòng, rất vất vả. Có thầy hướng dẫn, chúng ta đối với thầy có tín tâm, y giáo phụng hành thì sẽ bớt được rất nhiều đường vòng, đời này của bạn có khả năng thành tựu. Cổ thánh tiên hiền không có tư tâm, mà đại công vô tư, dùng tâm chân thành đối người tiếp vật, dạy cho chúng ta những gì? Nguyên tắc chung, tôn chỉ cương yếu chỉ đạo chung chính là 4 câu: nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu. Bạn có tin tưởng hay không? Thầy của lão pháp sư đã truyền bốn câu này cho ngài, ngài lại đem 4 câu này truyền cho chúng ta, 4 câu này là lời chân thật, không có một chữ nào là giả cả. Bốn câu này từ vô thủy kiếp quá khứ cho đến vô tận đời vị lai, người thành công đều đi trên con đường này, nếu bạn làm thử thì bạn sẽ phát hiện hiệu quả không thể nghĩ bàn.

Trong kinh văn có câu nói thế này mà trước đây chúng ta thường lơ là, hôm nay ở đây tôi đặc biệt nhắc mọi người chú ý câu “nghe rồi thấy đều rất hoan hỷ”, câu nói này thường xuất hiện trong kinh điển, chúng ta phải sâu sắc lý giải hàm nghĩa của nó.

Ví dụ, A-xà vương tử và 500 đại trưởng giả nghe Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ vì sao hoan hỷ? Vì đức Di-đà viên chúng Bồ-đề, thành tựu đại nguyện mà hoan hỷ; vì đức Di-đà chúng được phương tiện rốt ráo, dùng diệu pháp trị danh phổ độ tất cả mà hoan hỷ; vì chúng ta và tất cả hàm linh trong tương lai đều nương pháp này để thoát sanh tử nên vui mừng; lại vì chúng ta cũng có thể tiếp nối dẫn dắt chúng sanh, khiến tất cả được độ thoát mà hoan hỷ, thế nên niềm vui đó, thế gian chưa từng có, cho nên gọi là ‘đại hoan hỷ’.

Chúng ta ngày nay đọc kinh, nghe kinh, tâm hoan hỷ này có sinh ra không? Không sinh ra. Chúng ta đối với câu “nghe rồi thấy đều rất hoan hỷ” chỉ là hàm hồ qua loa đọc lướt qua mà thôi, không sanh được tâm hoan hỷ. Vì sao không sanh được tâm hoan hỷ? Bởi vì không biết hàm nghĩa sâu sắc của câu nói này. Hiểu được hàm nghĩa sâu sắc của câu này thì có lý nào mà không sanh tâm hoan hỷ chứ. Niềm hoan hỷ này, quan trọng nhất là [vì] bản thân chúng ta có phần, không phải không liên quan đến chúng ta. Nếu không liên quan đến mình thì mình vui mừng để làm gì, đối với mình có quan hệ rất mật thiết. Bởi vì A-di-đà Phật tại cõi Tịnh độ thị hiện ở phương Tây là vì chúng ta mà thị hiện. Ngài hiện tại ở thế giới Cực Lạc “kim hiện tại thuyết pháp” là vì chúng ta mà thuyết, chúng ta cảm ân hoan hỷ.

Chúng ta nghe kinh, đọc kinh sanh khởi tâm hoan hỷ vô hạn. Vì sao vậy? Bởi vì kinh Vô Lượng Thọ giúp chúng ta giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi, đây chính là việc lớn quan trọng nhất, to lớn nhất của đời người, thì sao chúng ta không hoan hỷ được.

Kinh văn phẩm thứ mười tôi đã giảng xong, trọng điểm của phẩm kinh văn này đã nói rất rõ ràng rồi, không lặp lại nữa. Điểm mà chúng ta đặc biệt chú ý là bộ kinh Vô Lượng Thọ này với cư sĩ tại gia là khế hợp nhất, cũng có thể nói là, bộ kinh này là Phật chuyên vì cư sĩ tại gia mà nói, chúng ta phải sanh khởi tâm cảm ân vô hạn.

Tiếp theo bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 11.

QUỐC GIỚI NGHIÊM TĨNH ĐỆ THẬP NHẤT

Phẩm kinh văn này giới thiệu y báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Mời xem kinh văn sau đây:

Phật ngữ A-nan, bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, vĩnh vô chúng khổ, chư nạn, ác thú, ma não chi danh. Diệc vô tứ thời hàn thử vũ minh chi dị, phục vô đại tiểu giang hải, khâu linh, khanh khảm, kinh kỹ, sa lịch, Thiết Vi, Tu-di, thổ thạch đẳng sơn. Duy dĩ tự nhiên thất bảo, hoàng kim vi địa, khoan quảng bình chánh, bất khả hạn cực, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới.

Phật nói với A-nan, thế giới Cực Lạc đó có vô lượng công đức, đầy đủ các sự trang nghiêm, vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, ba đường ác, ma não. Lại không có sự khác biệt của bốn mùa lạnh, nóng, mưa, tối; cũng không có sông biển lớn nhỏ, đồi núi, gò đồng, hầm hố, gai góc, cát sỏi, các núi Thiết Vi, Tu-di, núi đất đá. Đất bằng bảy báu tự nhiên và hoàng kim, rộng rãi bằng phẳng, không có bờ mé, vi diệu hoa lệ, thanh tịnh trang nghiêm vượt hơn tất cả thế giới trong mười phương.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với A-nan, thế giới Cực Lạc đó là do vô lượng công đức mà thành tựu, cho nên cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, trọn đủ tất cả trang nghiêm, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả khổ nạn, tên của tam ác đạo và ma não. Các khổ, các nạn, đường ác, ma não, ngay cả tên còn không có, huống gì thật có. Trong nước không có xuân hạ thu đông, hiện tượng lạnh lẽo, nóng bức, âm u, mưa tối, cũng không có biển lớn, sông ngòi, đồi núi, gò đồng hầm hố mấp mô, gai góc, cát sỏi, núi Thiết Vi, núi Tu-di, các loại núi do đất đá hình thành. Chỉ là một cõi bằng phẳng, chính tề, rộng lớn vô biên, đại địa do bảy báu tự nhiên và hoàng kim tạo nên. Cõi nước là diệu trong diệu, nên gọi là vi diệu, là hoa lệ nhất trong hoa lệ nên gọi là kỳ lệ. Sự thanh tịnh trang nghiêm của cõi nước vượt hơn tất cả thế giới mười phương.

Tiếp theo, chúng tôi đem những câu văn quan trọng trong đoạn kinh văn này giải thích tường tận hơn một chút.

“Vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm”

Luận Chú của đại sư Đàm Loan nói rằng: “Từ trí tuệ thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát mà trang nghiêm Phật sự, nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng, pháp ấy không điên đảo, không hư ngụy, nên gọi là công đức chân thật”. Luận Chú nói rằng: Pháp Tạng Bồ-tát trụ chân thật huệ, trang nghiêm cõi Phật, cho nên nói là “từ trí tuệ thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát mà trang nghiêm Phật sự”, hai cách nói này là hoàn toàn như nhau.

Vãng Sanh Luận lại nói: Ba loại trang nghiêm của Cực Lạc nhập vào câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Nay Luận Chú nói: “Nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng”, pháp thân chính là thân pháp tánh, cũng chính là pháp tánh. Bồ-tát Pháp Tạng trang nghiêm cõi nước Phật, là từ pháp thân lý thể hiển hiện cõi nước thanh tịnh, đây cũng chính là câu “cõi nước trang nghiêm nhập vào câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi” trong Vãng Sanh Luận. Bản thể chánh nhân là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, đây là chân thật chi tế, “không điên đảo, không hư ngụy”, cho nên hết thảy sự tướng hiển hiện ra như vậy được gọi là công đức chân thật. Lại càng không có bất kỳ một pháp nào khác, cho nên lìa khỏi chân thật thì chính là hư ngụy. Thế nên công đức chân thật chính là “vô lượng công đức”, tự nhiên cũng chính là “cụ túc trang nghiêm”.

“Chư nạn” còn gọi là bát nạn. Thứ nhất là nạn địa ngục, trong địa ngục nghe pháp rất khó. Thứ hai là nạn súc sanh, thứ ba là nạn ngạ quỷ. Thứ tư là nạn trường thọ thiên, thọ mạng 500 kiếp, là trời Vô Tướng thuộc Tứ Thiên Sắc Giới, vô tướng của nó giống như cá bị đóng băng, một khi băng tan thì cá lại có thể động đậy. Thứ năm là Bắc Câu Lô Châu, nơi đó Phật không đến, nên bị nạn. Thứ sáu là mù điếc câm ngọng, bị mù bị điếc và câm ngọng đều rất khó khăn. Thứ bảy là nạn thế trí biện thông, người tự cho mình thông minh đều phải cảnh giác, nếu bạn chỉ là tà kiến thế gian cộng thêm tài ăn nói, giỏi biện luận, biết viết văn chương, ưa thích lý luận của ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế thì thuộc về loại này, muốn thành đạo thì rất khó. Thứ tám, nạn sanh ra trước và sau Phật, không gặp được Phật thì rất khó khăn.

Ác thú chính là ba đường ác. Ma não, ma có thể não hại thân tâm của người, nên cũng gọi là ma não. Ma là cách gọi tắt của Ma-la, cũng chính là tên gọi khác của ma vương Ba-tuần của trời Tha Hóa Tự Tại. Loại quỷ thần này có ma lực rất lớn, có thể não hại người tu hành.

“Diệc vô tứ thời hàn thử vũ minh chi dị”

Đây là nói về thời tiết. Tứ thời là xuân hạ thu đông, hàn là rất lạnh, thử là rất nóng, vũ là trời mưa, minh là trời âm u, những thứ này đều không có. Chính là vĩnh viễn đều có thời tiết ôn hòa tươi sáng, hoàn cảnh cuộc sống như vậy tốt biết mấy!

Điều kiện địa lý càng khiến người khác hâm mộ, khát ngưỡng, không có sóng to gió lớn của sông biển lớn nhỏ, không có con đường khó đi của các gò đống hầm hố, không có cát sỏi, gai góc chằng mọc, càng không có các núi Tu-di, Thiết Vi v.v... chỉ có đại địa rộng lớn bằng phẳng vuông vức.

Núi Tu-di là trung tâm của bốn bộ châu lớn, núi Thiết Vi nằm ở ngoại vi, mặt trăng mặt trời quay vòng quanh núi Tu-di, cõi trời Tứ Thiên Vương nằm ở lưng chừng núi Tu-di, trên đỉnh là trời Đế Thích nơi Đế Thích ở. Bên trên núi Tu-di còn có trời Sắc Giới, trời Vô Sắc Giới, đều ở không trung, đây là tình trạng sắp xếp của thế giới thông thường. Nhưng tại thế giới Cực Lạc, núi Tu-di và núi Thiết Vi đều không có

Ở thế giới Cực Lạc, đại địa làm bằng bảy báu tự nhiên và hoàng kim. Đất là bảy báu và vàng ròng hợp thành. “Tự nhiên” là biểu thị cho không phải tạo tác mà thành, không phải sắp xếp mà được, cho nên gọi là tự nhiên. Đây là do tu đức có công, tánh đức tự nhiên hiển hiện. Tên gọi của bảy báu trong mỗi kinh không giống nhau, việc này không thành vấn đề, những bảo bối này chỉ là để ví dụ mà thôi. Bởi vì sự mỹ diệu của thế giới Cực Lạc, người đời không thể tưởng tượng, chỉ đành dùng bảy vật ở thế gian để làm tỉ dụ. Bảy báu trong kinh này là: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, mỹ ngọc, mã não. Còn về hình thái của đất thì “khoan quảng bình chánh, bất khả hạn cực”. Khoan là rộng rãi, quảng là rộng lớn, bình là bằng phẳng, bình đẳng, chánh là to lớn. Đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có bờ mé. Bởi vì nó “bất khả hạn cực”, thế nên Sớ Sao nói “rõ ràng ngay trước mắt”.

Tiếp theo nói về thời tiết ở thế giới Cực Lạc, thời tiết ở thế giới Cực Lạc không có khác biệt của nóng lạnh, mưa tổi, thay đều là ấm áp ôn hòa. Trên mặt đất không có núi sông hiểm trở, mà là một vùng rộng rãi bằng phẳng, đây đều là vì Bồ-tát Pháp Tạng trụ chân thật huệ mà trang nghiêm cõi Phật. Cho nên tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì nơi nơi bình, tâm hòa thì tất cả hòa.

Như đại sư Đàm Loan nói: “Nương pháp tánh mà nhập thanh tịnh tướng”, các tướng ở Cực Lạc đều là nương tánh mà nhập, pháp tánh đều là một vị bình đẳng, không có tướng sai biệt, thế nên thời tiết địa hình không có sai biệt; pháp tánh rộng lớn không có bờ mé, cho nên cõi nước Cực Lạc không có hạn lượng; pháp tánh đầy đủ thiện mỹ, cùng vi cực diệu, nên gọi là “vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm”. Diệu chính là thắng diệu không thể nghĩ bàn. Vi diệu chính là diệu trong diệu, khó nghĩ bàn trong khó nghĩ bàn. Lệ chính là hoa lệ, kỳ là kỳ đặc, kỳ lệ chính là siêu tuyệt không gì sánh bằng, mỹ diệu và hoa lệ.

Quán Kinh nói: đại địa ở Cực Lạc do bảy báu mà thành, trong mỗi báu có 500 sắc sáng, những quang minh này giống đóa hoa, giống chòm sao, giống mặt trăng treo ở trên không. Thế giới Cực Lạc mỹ diệu kỳ đặc, điều quan trọng nhất là toàn thể thế giới Cực Lạc đều thanh tịnh trang nghiêm. Tất cả cảnh sắc trong nước Cực Lạc khiến tâm người hoan hỷ mà không đắm nhiễm, cảnh và tâm đều là thanh tịnh trang nghiêm. Thanh tịnh là vô nhiễm, trang nghiêm là đầy đủ đức. Thanh tịnh khiến tâm người tĩnh lặng, trang nghiêm khiến tâm người tôn kính. Đây là bởi vì cõi nước Cực Lạc là từ bản tánh thanh tịnh mà thành tựu trang nghiêm, thế nên vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn tất cả thế giới trong mười phương.

Tất cả mọi thứ trong thế giới Cực Lạc đều không thể nghĩ bàn, không thể dùng tình mà thấy tướng, không thể suy nghĩ mà biết, cho nên nơi nơi sự sự vô ngại, nơi nơi đều là nhất chân pháp giới.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

A-nan văn dĩ, bạch Thế Tôn ngôn, nhược bỉ quốc độ vô Tu-di sơn, kỳ Tứ Thiên Vương thiên cập Dao Lợi thiên y hà nhi trụ.

A-nan nghe xong bạch Thế Tôn rằng: Nếu cõi nước đó không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên Vương và trời Dao Lợi trụ vào nơi đâu?

Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có núi, ngài A-nan nêu ra câu hỏi là: nước ấy không có núi Tu-di vậy thì trời Tứ Thiên Vương, trời Dao Lợi trụ vào đâu? Ở đây, chúng tôi muốn nói rõ hai vấn đề. Vấn đề thứ nhất, A-nan vì sao nêu ra câu hỏi này? [Vi] A-nan dựa theo hiện trạng của thế giới này mà nêu câu hỏi.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có bốn cõi: cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thất Bảo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang Tịnh độ. Thế giới đó không có sáu đường, cõi Đồng Cư chỉ có hai đường là cõi người và cõi trời. Thế giới đó không có núi, cho nên dẫn đến nghi vấn của tôn giả A-nan. Nếu không có núi Tu-di thì trời Dục giới trụ vào đâu? Trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi trong cõi trời Dục giới đều trụ vào núi Tu-di; trời Tứ Thiên Vương trụ ở lưng chừng núi, trời Đao Lợi trụ ở đỉnh núi. Không có núi Tu-di thì hai tầng trời này như thế nào đây? Tôn giả A-nan nêu ra nghi vấn này.

Vấn đề thứ hai, nghi vấn này có phải là tôn giả A-nan hỏi hay không? Không phải. Tôn giả A-nan là hỏi thay cho chúng ta. Phạm phu nghe Thế Tôn giới thiệu về thế giới Cực Lạc, thường khó tránh khỏi có nghi hoặc. Tôn giả A-nan biết tình trạng này bèn thỉnh giáo Thế Tôn, nếu cõi nước đó không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi nương vào đâu để trụ? Chúng ta xem kinh văn kế tiếp. Xem Thế Tôn trả lời câu hỏi này như thế nào.

Phật cáo A-nan, Dạ-ma, Đâu-suất, nữ chí Sắc Vô Sắc giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ? A-nan bạch ngôn, bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí.

Phật bảo A-nan, trời Dạ-ma, Đâu-suất, cho đến trời Sắc giới và Vô Sắc giới thì tất cả chư thiên nương vào đâu mà trụ? A-nan bạch rằng, do nghiệp lực không thể nghĩ bàn dẫn nên.

Ý nghĩa đại khái của đoạn kinh văn này là: Phật không trực tiếp trả lời câu hỏi A-nan nêu ra, mà gợi ý cho A-nan, để tự ngài suy nghĩ, đây là chỗ dạy học cao minh của Thế Tôn, gọi là dạy học theo phương thức gợi ý. Phật hỏi lại A-nan, thế giới này của chúng ta, trời Dạ-ma (các cõi trời từ trời Dạ-ma trở lên trụ vào hư không, gọi là trời Không Cư), trời Đâu-suất, trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới nương vào đâu mà trụ? Những thiên giới này trụ nơi hư không, không hề nương vào núi Tu-di, ông vì sao cho rằng phải nương vào núi Tu-di? A-nan trả lời: là do nghiệp lực không thể nghĩ bàn dẫn nên.

Nghiệp là tạo tác, ví dụ học sinh ở nhà phải làm bài tập để luyện tập, gọi là bài tập về nhà (tác nghiệp), nghiệp trong sự nghiệp theo cách nói thông thường cũng là hàm nghĩa này. Hành thiện thì gọi là thiện nghiệp, làm ác thì gọi là ác nghiệp. Thiện nghiệp thì có sức mạnh và tác dụng sinh ra thiện quả, ác nghiệp thì có

sức mạnh và tác dụng sinh ra ác quả, đây chính là nghiệp lực. A-nan nói, các cõi trời từ trời Dạ-ma trở lên không nương vào núi Tu-di mà có thể trụ vào hư không, đây là hiện tượng do nghiệp lực không thể nghĩ bàn của chúng sanh tạo thành.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, không thể dùng cách nghĩ, cách thấy thông thường của chúng ta hiện nay mà suy nghĩ, mà xem xét cõi Tịnh độ Tây phương.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Phật ngữ A-nan, bất tư nghị nghiệp, nhữ khả tri đa? Nhữ thân quả báo bất khả tư nghị, chúng sanh nghiệp báo diệt bất khả tư nghị, chúng sanh thiện căn bất khả tư nghị, chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới diệt bất khả tư nghị. Kỳ quốc chúng sanh, công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thân lực cố năng nhĩ nhĩ.

Phật nói với A-nan, nghiệp chẳng thể nghĩ bàn ông có thể biết không? Quả báo của thân ông chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp báo của chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, thiện căn của chúng sanh không thể nghĩ bàn, thánh lực của chư Phật, thế giới chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh nước ấy có đủ công đức thiện lực, trụ vào nơi hạnh nguyện thành tựu của Phật, lại được sức uy thần của Phật gia trì nên mới được như vậy.

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là, Phật nói với A-nan, bất khả tư nghị nghiệp ông có thể biết không? Quả báo của bản thân ông chẳng thể nghĩ bàn. Quả báo, nói tóm lại là chỉ cho kết quả, hoặc là hồi báo cảm được từ thiện nghiệp hoặc ác nghiệp đã tạo trong quá khứ. Tiếp đó Phật lại nói: Nghiệp báo của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn. Nghiệp báo chỉ cho nghiệp nhân và quả báo. Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện nói rằng: “Do tham sân si từ nơi thân khẩu ý mà tạo vô lượng vô biên ác nghiệp. Nếu những ác nghiệp ấy có thể tướng thì khắp hư không pháp giới không thể dung chứa được”. Căn cứ theo Câu Xá Luận thì sức mạnh của ác nghiệp là mạnh nhất, ngay cả Thế Tôn cũng không thể tránh khỏi, chế ngự. Thế nên nghiệp báo của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

“Chúng sanh thiện căn bất khả tư nghị”

Cho nên kinh Đại Tập nói: “Các hạnh của chúng sanh không thể nghĩ bàn, cảnh giới của chúng sanh không thể nghĩ bàn”. Hai câu này ý nghĩa rất sâu. Thiên sư Lâm Tế nói: “Các ông muốn biết Phật và Tổ u? Đó chính là ông, người đang nghe pháp đó”. Lại nói, “mỗi ngày mỗi thứ dụng đều đủ, có thiếu sót gì đâu? Sáu đạo thần quang chưa từng gián đoạn”. Sáu đạo thần quang là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, miệng nói chuyện v.v... đều là tác dụng của thần quang, trước giờ chưa từng gián đoạn. Câu nói này là tinh hoa của Lâm Tế ngữ lục.

Cổ đức của Thiên tông có một bài kệ tinh diệu nhất: “Tâm theo muôn cảnh chuyển, chỗ chuyển thật kín sâu, theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo”. Bài kệ này là nói, tâm của phàm phu thường chuyển theo cảnh bên ngoài, vốn là vọng động, thế nhưng chỗ có thể chuyển theo ngoại vật ấy thật sự sâu kín, thâm diệu, nếu có thể nhận rõ chỗ chuyển ấy, thì có thể thuận theo sự lưu chuyển mà nhận ra bản tánh, nhận được bản tánh của mình, ngay đó hư không tan vụn, đại địa chìm xuống; hư không đều tan vụn rồi thì còn có gì gọi là mừng hay lo nữa.

Ý của đoạn trên nói rằng, người nghe pháp chính là Phật, sáu đạo thần quang chưa từng gián đoạn, theo dòng để nhận ra tánh, chỉ thẳng thiện căn của chúng sanh, quả thật là siêu tình ly kiến, không phải do suy nghĩ phân biệt mà có thể hiểu được. Tông môn là như vậy, Giáo hạ cũng là như vậy.

Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu người tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu, vừa xưng Nam mô Phật, thấy đều thành Phật đạo”. Đều thành Phật đạo rồi, thế nên đồng nêu rõ thiện căn của chúng sanh không thể nghĩ bàn.

“Chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới diệc bất khả tư nghị”

Tông Cảnh Lục nói: Có năm loại sức mạnh không thể nghĩ bàn, lực uy đức của Phật pháp là một trong năm loại sức mạnh. Phật lực không thể nghĩ bàn, cho nên cõi nước Phật thành tựu cũng không thể nghĩ bàn. Đại sư Đàm Loạn tán thán thế giới Cực Lạc, ánh sáng làm Phật sự sao có thể nghĩ bàn được; nước làm Phật sự sao có thể nghĩ bàn được; kể đó đều có bóng của cây cũng có thể làm Phật sự, âm thanh cũng có thể làm Phật sự, sao có thể nghĩ bàn được đây? Sau cùng còn có một câu quan trọng nhất: khen những người vãng sanh, “không đoạn phiền não mà được phân Niết-bàn, sao có thể nghĩ bàn được?” Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc không đoạn phiền não mà được Niết-bàn, sự phương tiện thù thắng như vậy sao có thể nghĩ

bàn được? Đây chính là chỗ không thể nghĩ bàn trong sự không thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc.

“Kỳ quốc chúng sanh công đức thiện lực”

“Nước ấy” (kỳ quốc) chỉ cho nước Cực Lạc, “thiện lực” là lực do tu thiện có được. Chúng sanh vãng sanh, phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chánh trợ kiên tu, có đủ mọi công đức thiện lực. Cho nên có thể an trụ vào nơi đại nguyện, đại hạnh, đại nghiệp thành tựu của A-di-đà Phật. An trụ Cực Lạc chính là “trụ hạnh nghiệp địa”, trụ vào nơi hạnh nguyện thành tựu của đức Di-đà. Lại nữa, theo đại sư Đàm Loan nói: thấy được thân tướng của đức Di-đà thì được bình đẳng thân nghiệp, nghe danh hiệu Phật thì được bình đẳng khẩu nghiệp, gặp được quang biết được pháp thì được bình đẳng ý nghiệp. Trụ vào thân khẩu ý của Như Lai, đây chính là trụ ở hạnh nghiệp địa của Như Lai. Thế nên chúng sanh vãng sanh có công đức thiện lực thù thắng, lại còn an trụ ở Cực Lạc học tập hạnh của đức Di-đà, cộng thêm sức uy thần công đức của đạo sư A-di-đà Phật, cho nên nước ấy không dựa vào núi Tu-di.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

A-nan bạch ngôn, nghiệp nhân quả báo, bất khả tư nghị, ngã ư thử pháp, thật vô sở hoặc, đản vị tương lai chúng sanh, phá trừ nghi võng, cố phát tư vấn.

A-nan bạch rằng: Nghiệp nhân quả báo không thể nghĩ bàn, con đối với pháp này thật không nghi hoặc, chỉ vì phá trừ lưới nghi cho chúng sanh tương lai nên mới nêu ra câu hỏi này.

A-nan bậm bạch với Thế Tôn rằng, nghiệp nhân quả báo này không thể nghĩ bàn, con không có nghi hoặc, thế giới Cực Lạc do có nhân thù thắng không gì sánh nên được quả thù thắng không gì sánh, con không có nghi hoặc. Con là vì chúng sanh tương lai, phá trừ nghi hoặc cho họ, thay họ nêu ra câu hỏi.

Xin tổng kết trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 11:

Trọng điểm thứ nhất: nhận thức sự thanh tịnh trang nghiêm của hoàn cảnh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Một là vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, đường ác, ma nào. Không có các loại khổ nào như tam khổ, bát khổ v.v... không có các loại tai nạn như tam

tai, bát nạn v.v... không có ba đường ác, cũng không có tên gọi của các ma nào. Từ trọng điểm là hai chữ “vĩnh vô” (vĩnh viễn không có).

Hai là cũng không có bốn mùa nóng lạnh mưa tơi khác biệt, lại không có sông biển lớn nhỏ, gò đồng hầm hố, gai góc cát sỏi, đá núi như Thiết Vi, Tu-di v.v... Thế giới Cực Lạc không có biến đổi khí hậu, không có khác biệt về hoàn cảnh địa lý.

Ba là hoàn cảnh vật chất của thế giới Cực Lạc vượt trội tất cả thế giới, thất bảo tự nhiên, vàng ròng làm đất, rộng rãi bằng phẳng, không có bờ mé, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn tất cả thế giới mười phương.

Trọng điểm thứ hai: nghiệp lực không thể nghĩ bàn, tuy lâu xa nhưng ắt sẽ lôi dẫn nhau, đến khi quả báo chín muồi, muốn trốn cũng khó tránh. Những câu này nói với chúng ta điều gì? Nếu người tạo nghiệp, tuy rằng lâu xa nhưng khi nhân duyên hội tụ thì nghiệp báo nhất định sẽ hiện tiền, không có biện pháp tránh khỏi.

Trọng điểm thứ ba: hiểu rõ chính xác hàm nghĩa sâu sắc câu “nghiệp lực không thể nghĩ bàn của chúng sanh và thế giới dẫn đến”.

Trọng điểm thứ tư: thế giới Tây Phương Cực Lạc, thứ tạo tác là nghiệp lực không thể nghĩ bàn, nghiệp không thể nghĩ bàn này có nghĩa là gì? Nói về phạm vi của nghiệp lực không thể nghĩ bàn thì là: danh hiệu không thể nghĩ bàn, tín nguyện không thể nghĩ bàn, đọc tụng không thể nghĩ bàn, thọ trì không thể nghĩ bàn, hồng dương không thể nghĩ bàn v.v...

Trọng điểm thứ năm: làm thế nào có thể đạt được thân nghiệp bình đẳng như Phật, khẩu nghiệp bình đẳng với Phật, ý nghiệp bình đẳng như Phật?

Trọng điểm thứ sáu: thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỗ y cứ, lý luận của y chánh trang nghiêm là gì? Nghiệp lực không thể nghĩ bàn.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!